

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Vũng Tàu, năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Vũng Tàu, năm 2024

MỤC LỤC

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	1
1.1. Điều kiện tự nhiên.....	1
1.1.1. Vị trí địa lý.....	1
1.1.2. Địa hình.....	1
1.1.3. Thủy văn.....	2
1.1.4. Khí hậu.....	2
1.2. Thực trạng phát triển kinh tế, xã hội năm 2023.....	2
1.2.1. Các chỉ tiêu kinh tế.....	2
1.2.2. Các chỉ tiêu văn hoá, xã hội.....	5
1.3. Đánh giá chung về thực trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	8
III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024.....	9
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	9
3.2. Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	10
3.2.1. Đất nông nghiệp.....	12
3.2.2. Đất phi nông nghiệp.....	14
3.2.3. Đất chưa sử dụng.....	24
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	24
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	24
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	24
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất...	25
4.4. Các giải pháp khác.....	25
4.4.1. Giải pháp về vốn đầu tư.....	25
4.4.2. Giải pháp về chính sách.....	26
4.4.3. Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện.....	26

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Thành phố Vũng Tàu nằm ở phía Nam tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cách thành phố Bà Rịa (trung tâm hành chính của tỉnh) khoảng 20 km, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh đi theo hướng cao tốc Long Thành - TP. Hồ Chí Minh là 100 km. Vũng Tàu có ba mặt tiếp giáp biển với tổng chiều dài bờ biển là

48,1 km. Địa giới hành chính của thành phố tiếp giáp:

- Phía Đông và phía Nam giáp Biển Đông;
- Phía Tây giáp vịnh Gành Rái;
- Phía Bắc giáp thành phố Bà Rịa, thị xã Phú Mỹ và huyện Long Điền.

Thành phố Vũng Tàu có diện tích đất tự nhiên là 15.089,60 ha, đứng thứ 5/8 huyện, thành phố thuộc tỉnh, với 17 đơn vị hành chính (16 phường và 1 xã). Dân số thành phố năm 2022 là 530.025 người, mật độ 3.513 người/km² (theo kết quả Tổng điều tra dân số, tính đến ngày 01 tháng 12 năm 2022)..

Thành phố Vũng Tàu được công nhận đô thị loại I trực thuộc tỉnh vào năm 2013, là một trong những trung tâm du lịch, nghỉ mát, dịch vụ, giao dịch thương mại lớn của vùng Đông Nam Bộ. Là trung tâm khai thác và dịch vụ dầu khí của cả nước và là một đô thị có ý nghĩa quan trọng về an ninh, quốc phòng của vùng Nam Bộ. Đồng thời, thành phố Vũng Tàu thuộc Vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, một trong 06 thành phố biển của cả nước.

1.1.2. Địa hình

Thành phố Vũng Tàu là vùng đất có địa hình khá đa dạng được chia thành các dạng đặc trưng như sau:

- Địa hình núi cao, gồm 2 khu vực: Khu bán đảo Vũng Tàu và khu đảo Long Sơn;
- Dãy cồn cát tự nhiên: nằm dọc bán đảo;
- Khu vực đất cao: bao gồm 4 khu vực: khu vực Phường 10 (cao độ trung bình 6m); khu trung tâm (cao độ từ 3 - 6m); khu Chí Linh (cao độ nền từ 3m - 5m); khu sân bay Vũng Tàu (cao độ nền từ 3m - 4m);
- Khu đất đầm lầy, trũng: có cao độ nền từ 0,5m - 1,5m, nằm giữa bán

đảo Vũng Tàu, chạy dọc suốt từ hồ Bàu Sen đến hồ Cửa Lấp, khu Bến Đình, Cửa Lấp và khu vực từ Eo Ông Từ đến cầu Cỏ May;

- Khu Gò Găng: được chia thành 2 khu vực chủ yếu:

+ Khu vực cao (cao độ từ 1,8 - 2,2m): được tạo thành do quá trình thổi cát của gió, hiện trạng sử dụng đất, chủ yếu trồng điều và cây ăn quả;

+ Khu vực trũng: chịu ảnh hưởng của thủy triều, đây là khu vực rừng cây ngập mặn, một số nơi được khai thác sử dụng làm đầm nuôi tôm và ruộng muối.

- Khu Long Sơn: đảo Long Sơn có 3 dạng địa hình chính: vùng đồi núi (Đồi 84 và Núi Nưa), vùng bình nguyên (nằm giữa Núi Nưa và Đồi 84), vùng sinh lầy ven biển ngập mặn.

1.1.3. Thủy văn

Trên địa bàn thành phố Vũng Tàu có nhiều con sông lớn như: sông Dinh, sông Cỏ May, sông Chà Và, sông Bà Cội và sông Mũi Giùi. Ngoài ra, thành phố còn có một số con rạch nhỏ như rạch Bến Đình và rạch Cửa Lấp. Đặc trưng của thủy triều tại thành phố Vũng Tàu là bán nhật triều không đều với cường độ khá lớn. Mỗi ngày có 2 lần triều lên và 2 lần triều xuống, biên độ triều trung bình từ 3m - 4m trong thời kỳ triều cường và từ 1,5 m – 2,0 m trong thời kỳ triều kém.

1.1.4. Khí hậu

Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa và do chịu ảnh hưởng của biển, thành phố Vũng Tàu có khí hậu ôn hòa, ít gió bão, nhiệt độ trung bình từ 25⁰C đến 27⁰C, lượng mưa trung bình từ 1.300 mm đến 1.700 mm, có từ 2.300 đến 2.800 giờ nắng trong năm. Mỗi năm có hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Thành phố Vũng Tàu là địa điểm đặc trưng của khí hậu biển, thuận lợi cho việc phát triển ngành du lịch cũng như việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng nói chung và của thành phố nói riêng.

1.2. Thực trạng phát triển kinh tế, xã hội năm 2023

1.2.1. Các chỉ tiêu kinh tế

a) Về du lịch, thương mại, dịch vụ, vận tải

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 9 tháng đầu năm ước đạt 6.724 tỷ đồng, đạt 78,55% kế hoạch, tăng 20,22% so với cùng kỳ; Thành phố đã thực hiện tốt công tác tuần tra và ứng trực cứu hộ tại tất cả các bãi tắm trên địa bàn thành phố Vũng Tàu để đảm bảo an toàn cho du khách và nhân dân tắm biển, số lượng khách tắm biển 9 tháng đầu năm 2023 đạt 3,2 triệu lượt, tăng 29,62% so với cùng kỳ năm 2022; số lượt khách lưu trú qua đêm đạt 1,8 triệu lượt, đạt

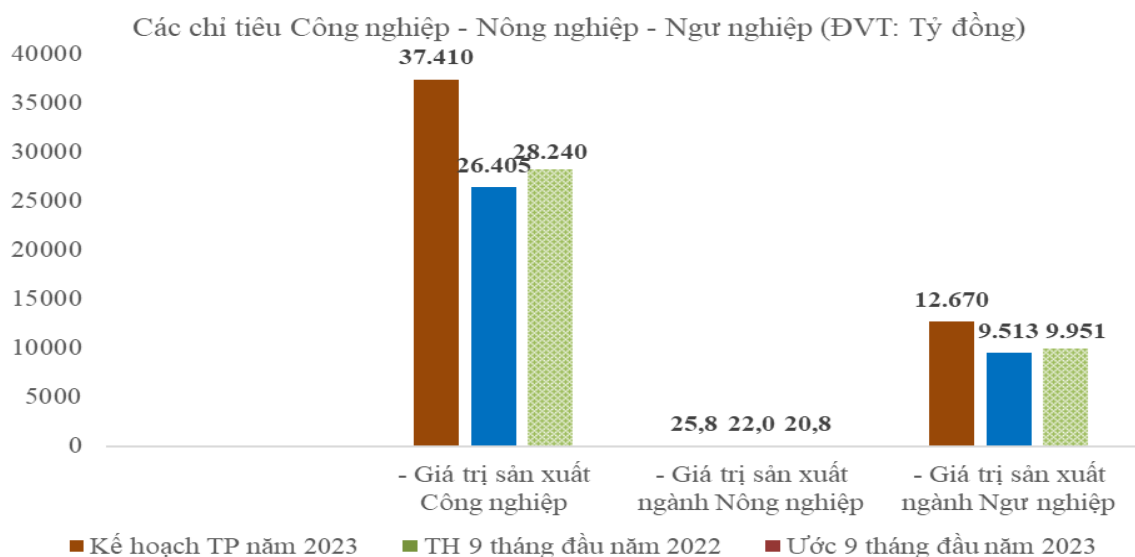
79,00% kế hoạch, tăng 14,22% so với cùng kỳ; thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường tại các bãi biển, kiểm tra xử lý nghiêm hành vi vi phạm về môi trường và kinh doanh du lịch; số lượng các trường hợp vi phạm về buôn bán hàng rong, trật tự an toàn giao thông tại các khu vực bãi biển giảm 58,63% so với cùng kỳ năm 2022; giới thiệu, hỗ trợ trực tiếp cho 1.479 lượt khách, hỗ trợ và tư vấn 887 cuộc gọi điện thoại, cung cấp các thông tin về địa điểm du lịch trên địa bàn.... Phối hợp tổ chức khai trương chợ Hải sản Vũng Tàu; làm việc với đơn vị tư vấn xây dựng phương án chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ Long Sơn. Triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn giao dịch thương mại điện tử năm 2023. Tổ chức thực hiện Kế hoạch Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn thành phố Vũng Tàu năm 2023.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 29.987 tỷ đồng, đạt 78,07% kế hoạch, tăng 10,42% so với cùng kỳ.

Doanh thu dịch vụ vận tải, kho bãi ước đạt 8.106 tỷ đồng, đạt 77,20% kế hoạch, tăng 10,57% so với cùng kỳ.

Giá trị sản xuất ngành công nghiệp ước đạt 28.240 tỷ đồng, đạt 75,49% kế hoạch, tăng 6,95% so với cùng kỳ.

Giá trị ngành nông nghiệp ước đạt 20,8 tỷ đồng, đạt 80,62% kế hoạch, tăng đạt 94,55% so với cùng kỳ.



Giá trị sản xuất ngành ngư nghiệp ước đạt 9.951 tỷ đồng, đạt 78,54% kế hoạch, tăng 4,60% so với cùng kỳ. Sản lượng hải sản khai thác ước đạt 177.252 tấn, đạt 75,06% kế hoạch, tăng 1,43% so với cùng kỳ; sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 5.867 tấn, đạt 85,40%, tăng 9,40% so với cùng kỳ.

b) Công tác thu, chi ngân sách; đầu tư công

❖ Thu, chi ngân sách

Thu ngân sách 9 tháng đầu năm 2023 ước đạt 3.134,754 tỷ đồng, đạt 75% so với kế hoạch tỉnh giao. Trong đó, ước thực hiện thu thuế lũy kế là 2.800,610 tỷ đồng, đạt 70,3% so dự toán.

Chi ngân sách ước đạt 1.666,525 tỷ đồng, đạt 82% so với tỉnh giao, bằng 64% dự toán thành phố xây dựng.

❖ Đầu tư công

Triển khai lập thủ tục về đầu tư các dự án khởi công mới trong năm 2023 và khẩn trương hoàn thành các công trình chuyển tiếp. Tổ chức triển khai Kế hoạch đầu tư công và công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án do Nhà nước thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn thành phố Vũng Tàu.

Chỉ đạo các cơ quan liên quan thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư trong việc triển khai thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư.

- Công trình đầu tư bằng ngân sách Tỉnh: Trong năm 2023, thành phố Vũng Tàu được UBND Tỉnh giao làm chủ đầu tư 43 công trình với tổng số vốn là 1.379,579 tỷ đồng. Tính đến ngày 28/9/2023 giải ngân đạt 650,909 tỷ đồng (Trong đó: TTKL: 534,139 tỷ đồng, Tạm ứng NSTP: 116,770 tỷ đồng), tương đương 47,18% kế hoạch vốn năm 2023 (đạt thấp hơn so với cùng kỳ năm 2022, cùng kỳ đạt 55,46 % kế hoạch vốn năm 2022).

- Các công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Thành phố: Trong năm 2023, Thành phố quyết định đầu tư 82 công trình, đồ án quy hoạch, với tổng số vốn là 800,113 tỷ đồng. Tính đến ngày 28/9/2023 giải ngân đạt 513,979 tỷ đồng, tương đương 64,24 % kế hoạch vốn năm 2023 (đạt cao hơn so với cùng kỳ năm 2022, cùng kỳ đạt 23,76 % kế hoạch vốn năm 2022).

❖ Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng

Trong 9 tháng đầu năm 2023, UBND Thành phố đã ban hành 190 đợt Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 909 hộ gia đình cá nhân có đất bị thu hồi với tổng diện tích 183.548,6m² với tổng số tiền là 1.072,558 tỷ đồng.

❖ Về đầu tư, hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh

Về đầu tư nước ngoài: Thành phố luôn lắng nghe, chia sẻ, thấu hiểu và đồng hành cùng các nhà đầu tư nước ngoài và các cơ quan liên quan tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai dự án, nhằm đẩy nhanh tiến độ chuyển vốn

đăng ký sang vốn thực hiện. Đến nay, trên địa bàn đã thu hút 86 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký là 10.047 triệu USD, ước giải ngân đến 15/9/2023 đạt 5.920 triệu USD, tỷ lệ giải ngân đạt 58,92% số vốn đăng ký.

Về đầu tư trong nước: Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh trên nguyên tắc lợi ích hài hoà, rủi ro chia sẻ với tinh thần hài hoà lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người dân, đến nay đã có 84 dự án đầu tư bằng nguồn vốn trong nước, với tổng vốn đăng ký 54.685 tỷ đồng, ước giải ngân đến 15/9/2023 đạt 44.306 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân đạt 81,02% tổng số vốn đăng ký.

Trên địa bàn có 45 Hợp tác xã, trong đó có 33 Hợp tác xã đang hoạt động trong các lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, du lịch (08 Hợp tác xã); vận tải (09 Hợp tác xã); nông nghiệp, thủy sản (16 Hợp tác xã), 07 Hợp tác xã đang tạm ngừng hoạt động, 02 Hợp tác xã đã giải thể; 03 Hợp tác xã chờ giải thể. Kịp thời giải quyết cấp giấy phép kinh doanh, thay đổi nội dung ngành nghề đăng ký kinh doanh; giải quyết ngừng nghỉ kinh doanh đối với các hộ kinh doanh theo quy định.

❖ Đầu tư các dự án trọng điểm

Hiện nay trên địa bàn thành phố Vũng Tàu thực hiện 18 dự án trọng điểm. Thành phố đã tích cực phối hợp với các Sở, ngành kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho từng dự án để đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch và bồi thường giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đạt hiệu quả cao nhất.

1.2.2. Các chỉ tiêu văn hoá, xã hội

a) Văn hóa, thông tin, thể thao

Thành phố đã nỗ lực triển khai hiệu quả các nhiệm vụ theo chương trình công tác năm 2023 với tinh thần “Quyết liệt, hiệu quả, nêu gương, kỷ cương, trách nhiệm”. Trong đó, tập công tác tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân Quý Mão 2023, ngày Lễ, ngày kỷ niệm, các sự kiện quan trọng và các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Đảng bộ, chính quyền thành phố Vũng Tàu¹⁴; tổ chức khu trưng bày, triển lãm¹⁵; tổ chức thành công Hội thi Thiết kế, trang trí Thiệp Xuân; Hội thi viết Thư pháp chữ Việt đã thu hút được nhiều thí sinh tham gia tạo không khí vui tươi, lành mạnh trong dịp tết Quý Mão 2023, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức sự kiện thu hút khách du lịch¹⁶; tổ chức 14 hoạt động thể dục thể thao với khoảng 16.651 động viên tham gia. Tham gia 12 hoạt động thể dục thể thao do tỉnh tổ chức với khoảng 237 vận động viên tham

gia 17. Hoàn thành tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam năm 2023 tại thành phố Vũng Tàu. Thực hiện tốt công tác bổ sung và xử lý kỹ thuật tài liệu phục vụ bạn đọc.

Xây dựng kế hoạch tiếp tục giữ vững danh hiệu Thành phố sạch ASEAN năm 2023; Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phấn đấu xây dựng thành phố Vũng Tàu trở thành thành phố du lịch đẳng cấp quốc tế.

Tăng cường công tác kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn; kiểm tra đối với các cơ sở kinh doanh homestay gây ô nhiễm tiếng ồn, ảnh hưởng đến người dân; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra nhắc nhở và đôn đốc việc giữ gìn vệ sinh môi trường tại các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm, các khu, điểm du lịch, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường; kịp thời chấn chỉnh những sai phạm và thực hiện đúng các quy định trong kinh doanh trên địa bàn.

Phối hợp Đài truyền hình Nhân dân làm phóng sự về “giới thiệu điểm đến văn hóa du lịch” của thành phố Vũng Tàu. Ban hành Kế hoạch phát huy giá trị di sản Lễ hội Nghinh Ông Thắng Tam và tổ chức Lễ công bố Quyết định công bố danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia; tour khám phá, du lịch sinh thái Long Sơn. Đã hoàn thành khảo sát thực tế hiện trạng 16 di tích trên địa bàn thành phố Vũng Tàu.

b) Lao động, Thương binh và Xã hội

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Trong 9 tháng đầu năm 2023, Thành phố đã chi trợ cấp hàng tháng cho 19.474 lượt người có công với gần 33,2 tỷ đồng; chi trợ cấp 1 lần cho 1.419 người với số tiền 3,1 tỷ đồng; chi trợ cấp xã hội cho khoảng 5.843 đối tượng bảo trợ xã hội với số tiền trên 33,7 tỷ đồng; chăm lo cho người nghèo, người khuyết tật, người có thu nhập thấp và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo đúng quy định. Ban hành Kế hoạch số 5356/KH-UBND ngày 31/7/2023 của UBND thành phố Vũng Tàu phấn đấu giảm nghèo và các giải pháp hỗ trợ cho hộ nghèo trên địa bàn thành phố Vũng Tàu trong năm 2023; Kế hoạch Phát động phong trào thi đua thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và phong trào “Vũng Tàu chung tay Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” năm 2023. Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh tổ chức Hội nghị tập huấn trực tuyến về phòng chống xâm hại trẻ em năm 2023 cho 1.118 người là thành viên Ban chỉ đạo bảo vệ chăm sóc trẻ em thành phố, phường, xã; cộng tác viên trẻ em tại khu dân cư

và người dân trên địa bàn thành phố Vũng Tàu. Triển khai các hoạt động thăm hỏi, tặng quà đến các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên địa bàn thành phố.

Trong 9 tháng đầu năm 2023 đã giới thiệu giải quyết việc làm tăng thêm cho 2.514/2.800 lao động, đạt 89,79% kế hoạch tỉnh và thành phố giao. Phối hợp Sở Lao động – Thương binh và Xã hội kiểm tra 07 doanh nghiệp về việc chấp hành các quy định về pháp luật lao động, sử dụng lao động nước ngoài tại các doanh nghiệp trên địa bàn. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật lao động tại 26 doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Vũng Tàu.

c) Giáo dục

Thành phố đã tổ chức việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học của từng môn học cấp tiểu học, trung học cơ sở theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng học tập của học sinh, chú trọng gắn giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình, cộng đồng. Hoàn thành chương trình giáo dục năm học phù hợp với khung kế hoạch thời gian năm học, tham gia có hiệu quả tập huấn triển khai Chương trình GDPT năm 2018.

Thực hiện nghiêm túc việc giảng dạy các môn học theo phân phối chương trình và đã hoàn thành kế hoạch giáo dục năm học. Có 26/26 trường tiểu học công lập thực hiện dạy tiếng Anh 6 tiết/tuần cho 100% học sinh khối 3, 4, 5 học; Toàn bộ 26/26 trường đã tổ chức khá hiệu quả việc giảng dạy chương trình tiếng Anh dành cho học sinh lớp 1 và 2 theo hình thức xã hội hóa. Tất cả các trường đã thực hiện dạy Tin học cho học sinh lớp 3,4,5.

Tổ chức thành công Hội thi Giáo viên dạy giỏi, nhân viên Mầm non nấu ăn giỏi cấp thành phố; Hội thi Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp Tiểu học; Hội thi Giáo viên dạy giỏi trung học cấp thành phố. Tổ chức kỳ thi học sinh giỏi lớp 9, Olympic 27/4 lớp 6, 7, 8 và lớp nguồn với 847 học sinh tham gia và công nhận được 163 học sinh giỏi cấp thành phố; cử 162 học sinh dự thi Kỳ thi Học sinh giỏi lớp 9, Olympic 27/4 cấp Tỉnh.

d) Y tế

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các văn bản, hướng dẫn của Bộ Y tế, Sở Y tế trong công tác phòng chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh truyền nhiễm khác; tuyệt đối không được chủ quan, lơ là, mất cảnh giác và tích cực vận động các đối tượng tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19, nhất là với các nhóm có nguy

cơ cao; đồng thời, tổ chức các lớp tập huấn trong công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn thành phố.

1.3. Đánh giá chung về thực trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

1.3.1. Thuận lợi

- Vị trí địa lý thuận lợi về giao thông, nằm trong vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, nằm trong vùng năng động nhất của nước ta, đồng thời là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng Đông Nam Bộ. Bờ biển dài, lòng sông rộng và sâu, thuận lợi cho việc xây dựng một hệ thống cảng đa dạng về quy mô và công dụng. Đây là lợi thế to lớn để phát triển các ngành kinh tế biển. Điều kiện khí hậu của môi trường biển, thuận lợi cho việc phát triển ngành du lịch với nhiều bãi tắm và di tích lịch sử nổi tiếng, lợi thế phát triển ngành thương mại dịch vụ. Thềm lục địa rộng, thuận lợi cho việc phát triển ngành khai thác và chế biến thủy sản.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn giữ ở mức cao, cơ cấu kinh tế ngày càng được chuyển dịch theo hướng tích cực. Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội ngày càng được quan tâm đầu tư hoàn thiện, đặc biệt là cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành dầu khí. Thành phố Vũng Tàu có thể mạnh về phát triển giao thông cả về đường bộ và đường thủy, là cơ hội để đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và nước ngoài, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thương mại, dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ dầu khí.

1.3.2. Khó khăn

- Vũng Tàu là vùng đất thấp, quỹ đất xây dựng hạn chế. Địa hình bị chia cắt bởi hệ thống sông ngòi vùng cửa biển, gây khó khăn cho công tác quản lý cũng như giao lưu, trao đổi hàng hoá với các vùng khác. Vành đai ngoại thị hẹp, hạn chế nhu cầu phát triển các đầu mối hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho đô thị. Sức chứa về không gian có giới hạn trong khi yêu cầu phát triển là rất lớn, dễ dẫn đến sự quá tải nếu không có biện pháp phù hợp.

- Hạ tầng trong các khu công nghiệp tập trung còn kém phát triển, chưa đáp ứng được các yêu cầu của nhà đầu tư nên khả năng huy động các nguồn vốn vẫn còn hạn chế. Thu hút đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp chưa mạnh, triển khai các dự án đầu tư trong và ngoài nước còn gặp nhiều vướng mắc.

- Công tác quản lý đầu tư, xây dựng, quy hoạch đô thị, xử lý ô nhiễm môi trường tuy có tiến bộ hơn trước, song cũng còn nhiều yếu tố ảnh hưởng lớn đến phát triển. Một số dự án du lịch đang triển khai đầu tư ở thành phố bị chậm do vướng mắc ở khâu bồi thường giải phóng mặt bằng và các thủ tục liên quan. Cơ cấu tổ chức không gian hệ thống, phân bố dân cư trong địa bàn thành phố thiếu

sự cân đối, dân số tập trung đông ở các khu vực trung tâm.

1.3.3. Tồn tại

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do một phần thay đổi chính sách của nhà nước; một phần do sự phối hợp giữa các đơn vị có liên quan chưa được đồng bộ.
- Tình hình thực hiện chuyển vốn đăng ký sang vốn thực hiện của các dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn đạt thấp.
- Công tác đảm bảo trật tự xây dựng chưa được kiểm soát triệt để vẫn còn diễn biến phức tạp.
- Đầu tư cho giáo dục, y tế đã được đẩy mạnh, tuy nhiên do nhiều nguyên nhân như thiếu quỹ đất, giải tỏa bồi thường gặp khó khăn nên cơ sở vật chất trường lớp chưa đáp ứng nhu cầu của ngành giáo dục.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Đối với các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt theo Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, UBND thành phố Vũng Tàu xác định như sau:

- Căn cứ vào kế hoạch vốn và tiến độ thực hiện của các dự án, UBND thành phố xác định có **128** dự án chuyển tiếp sang năm 2024.
- Trên cơ sở dự án mới được các Chủ đầu tư đăng ký thực hiện trong năm 2024, UBND thành phố đã rà soát về pháp lý, ranh giới dự án, mục đích sử dụng và nguồn vốn thực hiện các dự án, có tham khảo ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, xác định có **12** dự án đủ điều kiện đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Vũng Tàu.

- Các khu đất bán đấu giá trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là **30** dự án của Trung tâm phát triển quỹ đất; Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà ở; UBND phường 5; UBND phường Rạch Dừa và UBND thành phố Vũng Tàu. Bao gồm 12 dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và 18 dự án đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Tổng các công trình dự án đăng ký thực hiện trong năm 2024 trên địa bàn thành phố Vũng Tàu là **140** dự án (**106** dự án thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất và **34** dự án lập thủ tục về đất đai chấp thuận chủ trương nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, kêu gọi đầu tư thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án).

Để thực hiện các công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất và bán đấu giá quyền sử dụng đất chuyển tiếp từ năm 2023 sang năm 2024, cần phải bố trí diện tích các loại đất như sau:

Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp năm 2024 của thành phố là 241,34 ha. Cụ thể:

- + Đất trồng cây hàng năm khác: 76,55 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 90,50 ha;
- + Đất rừng phòng hộ: 1,27 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 48,22 ha;
- + Đất làm muối: 24,80 ha.
- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: 7,49 ha,
Trong đó:
 - + Đất thương mại, dịch vụ: 0,60 ha;
 - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,23 ha;
 - + Đất giao thông: 2,68 ha;
 - + Đất thủy lợi: 2,85 ha;
 - + Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,12 ha.

3.2. Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Căn cứ vào kế hoạch vốn và tiến độ thực hiện của các dự án, UBND thành phố xác định có 35 công trình, dự án điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (lần 3).

Qua rà soát, việc đăng ký cập nhật, bổ sung nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Vũng Tàu (đối với các diện tích phù hợp quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt) là phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 21 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ và Điều 73 Luật đất đai 2024, cụ thể chỉ tiêu thay đổi như sau:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh Kế hoạch 2024	Phân bổ chỉ tiêu đến năm 2030	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5)-(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.810,72	6.665,64	5.313	-145,08
1,1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	805,65	788,67		-16,99

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch năm 2024	Điều chỉnh Kế hoạch 2024	Phân bổ chỉ tiêu đến năm 2030	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5)-(4)
1,2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.378,22	1.359,63	1.155	-18,59
1,3	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.581,48	2.566,49	1.847	-14,98
1,6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.709,57	1.618,68		-90,89
1,7	Đất làm muối	LMU	335,33	331,69		-3,63
1,8	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,48	0,48		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.823,33	7.969,95	9.663	146,62
-	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	404,74	404,74	458	
2.2	Đất an ninh	CAN	63,20	63,19	95	-0,01
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	160,29	160,29	1.018	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	34,90	34,90	35	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	511,33	512,37	1.127	1,04
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	802,89	800,76	795	-2,13
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.374,89	1.441,99	1.672	67,10
-	Đất giao thông	DGT	969,54	1.037,41	1.086	67,88
-	Đất thủy lợi	DTL	116,07	115,70	85	-0,37
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	10,37	10,37	20	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	10,48	10,60	15	0,12
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	110,49	110,11	130	-0,38
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	6,77	6,66	7	-0,11
-	Đất công trình năng lượng	DNL	17,74	17,74	157	
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	6,39	6,36	6	-0,03
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,54	2,51		-0,03
2.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	24,84	24,84		
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	125,61	126,23	0	0,62
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	1.474,84	1.562,48	1.777	87,64
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	25,14	25,40	17	0,27
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	14,47	14,15	15	-0,31
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.790,13	2.782,57		-7,56
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	8,63	8,63		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	455,55	454,01	113	-1,54

Các chỉ tiêu sử dụng có sự thay đổi nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với phân bổ chỉ tiêu theo Quy hoạch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030 đã được phê

duyet thì việc cập nhật, điều chỉnh đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

3.2.1. Đất nông nghiệp

Năm 2024, diện tích đất nông nghiệp là 6.665,64 ha, chiếm 44,18% tổng diện tích tự nhiên, giảm 385,54 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích đất nông nghiệp giảm nguyên nhân do chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (chủ yếu nhóm đất ở) và các dự án sử dụng đất nông nghiệp chuyển mục đích đất sang phi nông nghiệp như: Dự án Đường nối vào cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu (từ nút giao Vũng Vằn đến đường ven biển ĐT994); Khu du lịch nghỉ mát, giải trí đa năng tại khu Chí Linh Cửa Lấp, phường 11, 12 thành phố Vũng Tàu; Khu nhà ở xã hội số 1 (Dự án trọng điểm); Bệnh viện đa khoa thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Cơ sở Doanh trại Chi đội kiểm ngư số 2... Cụ thể như sau:

(1). Đất trồng cây hàng năm khác

Năm 2024, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 788,67 ha, chiếm 5,23% tổng diện tích tự nhiên, giảm 92,66 ha so với hiện trạng năm 2023.

So với hiện trạng năm 2023, diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm 92,66 ha ha, gồm: Đất quốc phòng 1,49 ha; Đất an ninh 0,83 ha; Đất cụm công nghiệp 4,01 ha; Đất thương mại, dịch vụ 0,60 ha; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,20 ha; Đất ở tại nông thôn 0,16 ha; Đất ở tại đô thị 38,05 ha; Đất phát triển hạ tầng 47,32 ha;

Đất trồng cây hàng năm khác phân bố 16/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 12 (295,87 ha); ít nhất là Phường 7 (0,12 ha).

(2). Đất trồng cây lâu năm

Năm 2024, diện tích đất trồng cây lâu năm là 1.359,63 ha, chiếm 9,01% tổng diện tích tự nhiên, giảm 109,08 ha so với hiện trạng năm 2023.

So với hiện trạng năm 2023, diện tích đất trồng cây lâu năm giảm 109,08 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất phi nông nghiệp 108,82 ha, gồm: Đất quốc phòng 4,81 ha; Đất an ninh 0,38 ha; Đất cụm công nghiệp 4,84 ha; Đất thương mại, dịch vụ 0,34 ha; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,12 ha; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 1,23 ha; Đất ở tại nông thôn 0,38 ha; Đất ở tại đô thị 51,00 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan 4,90 ha; Đất phát triển hạ tầng 41,09 ha;

Đất trồng cây lâu năm phân bố 17/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Xã Long Sơn (732,11 ha); ít nhất là Phường 9 (0,86 ha).

(3). Đất rừng phòng hộ

Năm 2024, diện tích đất rừng phòng hộ là 2.566,49 ha, chiếm 17,01% tổng diện tích tự nhiên, giảm 16,26 ha so với hiện trạng năm 2023.

So với hiện trạng năm 2023, diện tích đất rừng phòng hộ giảm 16,26 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp gồm: Đất quốc phòng 0,28 ha; Đất ở tại đô thị 2,65 ha; Đất phát triển hạ tầng 13,33 ha;

Đất rừng phòng hộ phân bố 10/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Xã Long Sơn (1.801,04 ha); ít nhất là Phường 8 (3,36 ha).

(4). Đất nuôi trồng thủy sản

Năm 2024, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 1.618,68 ha, chiếm 10,73% tổng diện tích tự nhiên, giảm 139,11 ha so với hiện trạng năm 2023.

So với hiện trạng năm 2023, diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm 139,11 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp, gồm: Đất quốc phòng 7,50 ha; Đất cụm công nghiệp 15,38 ha; Đất thương mại, dịch vụ 0,92 ha; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,13 ha; Đất ở tại nông thôn 0,01 ha; Đất ở tại đô thị 99,86 ha; Đất phát triển hạ tầng 15,32 ha;

Đất nuôi trồng thủy sản phân bố 12/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 12 (976,82 ha); ít nhất là Phường Thắng Nhất (-2 ha).

(5). Đất làm muối

Năm 2024, diện tích đất làm muối là 331,69 ha, chiếm 2,2% tổng diện tích tự nhiên, giảm 28,43 ha so với hiện trạng năm 2023.

So với hiện trạng năm 2023, diện tích đất làm muối giảm 28,43 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp, gồm: Đất quốc phòng 6,20 ha; Đất cụm công nghiệp 1,10 ha; Đất ở tại nông thôn 0,01 ha; Đất ở tại đô thị 18,52 ha; Đất phát triển hạ tầng 2,59 ha;

Đất làm muối phân bố 2/17 phường, xã: Xã Long Sơn (294,43 ha); Phường 12 (37,28 ha).

(6). Đất nông nghiệp khác

Năm 2024, diện tích đất nông nghiệp khác là 0,48 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

Đất nông nghiệp khác phân bố 2/17 phường, xã: Phường 12 (0,24 ha); Xã Long Sơn (0,23 ha).

3.2.2. Đất phi nông nghiệp

Năm 2024, diện tích đất phi nông nghiệp là 7.969,95 ha, chiếm 52,81% tổng diện tích tự nhiên, tăng 392,51 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích đất phi nông nghiệp tăng nguyên nhân do chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân từ đất nông nghiệp sang và các dự án đất phi nông nghiệp (các dự án phát triển hạ tầng, an sinh, xã hội, quốc phòng, an ninh,...) như: Đường trục chính Vũng Tàu (đoạn từ nút giao đường ven biển Vũng Tàu-Bình Thuận (ĐT994) đến nút giao vòng xoay đường 51B,C thành phố Vũng Tàu); Dự án HTKT khu tái định cư Long Sơn (bao gồm đoạn đường Nguyễn Phong Sắc); Dự án Căn cứ dịch vụ dầu khí Sao Mai - Bến Đình; Trụ sở và Cảng công vụ của Cảng vụ đường thủy nội địa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Hải đội dân quân thường trực tỉnh BR-VT...

(1). Đất quốc phòng

Năm 2024, diện tích đất quốc phòng là 404,74 ha, chiếm 2,68% tổng diện tích tự nhiên, tăng 23,99 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất quốc phòng như sau:

- Biến động tăng 24,68 ha do được chuyển từ:

+ Đất nông nghiệp 20,28 ha, gồm: Đất trồng cây hàng năm khác 1,49 ha; Đất trồng cây lâu năm 4,81 ha; Đất rừng phòng hộ 0,28 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 7,50 ha; Đất làm muối 6,20 ha;

+ Đất phi nông nghiệp 4,40 ha, gồm: Đất phát triển hạ tầng 1,50 ha; Đất ở tại đô thị 0,39 ha; Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 2,51 ha;

- Biến động giảm 0,69 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất phi nông nghiệp 0,69 ha, gồm: Đất phát triển hạ tầng 0,69 ha;

Đất quốc phòng phân bố 15/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 9 (171,89 ha); ít nhất là Phường Nguyễn An Ninh (0,34 ha).

(2). Đất an ninh

Năm 2024, diện tích đất an ninh là 63,19 ha, chiếm 0,42% tổng diện tích tự nhiên, giảm 0,79 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất an ninh như sau:

- Biến động tăng 3,15 ha do được chuyển từ:

+ Đất nông nghiệp 1,21 ha, gồm: Đất trồng cây hàng năm khác 0,83 ha; Đất trồng cây lâu năm 0,38 ha;

+ Đất phi nông nghiệp 1,94 ha, gồm: Đất phát triển hạ tầng 0,22 ha; Đất ở tại đô thị 1,72 ha;

- Biến động giảm 3,94 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất phi nông nghiệp 3,94 ha, gồm: Đất ở tại đô thị 0,01 ha; Đất phát triển hạ tầng 3,93 ha;

Đất an ninh phân bố 17/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 12 (52,16 ha); ít nhất là Phường Thắng Nhì (0,04 ha).

(3). Đất công nghiệp

Năm 2024, diện tích đất khu công nghiệp là 160,29 ha, chiếm 1,06% tổng diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

Đất khu công nghiệp phân bố tại Phường Rạch Dừa (160,29 ha).

(4). Đất cụm công nghiệp

Năm 2024 diện tích đất cụm công nghiệp là 34,90 ha, chiếm 0,23% tổng diện tích tự nhiên, tăng 34,90 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất cụm công nghiệp là biến động tăng với diện tích 34,9 ha do được chuyển từ:

+ Đất nông nghiệp 25,33 ha, gồm: Đất trồng cây hàng năm khác 4,01 ha; Đất trồng cây lâu năm 4,84 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 15,38 ha; Đất làm muối 1,10 ha;

+ Đất phi nông nghiệp 8,68 ha, gồm: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,92 ha; Đất phát triển hạ tầng 0,32 ha; Đất ở tại đô thị 2,79 ha; Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 4,65 ha;

+ Đất chưa sử dụng 0,89 ha.

Đất cụm công nghiệp phân bố tại Phường 12 (34,90 ha).

(5). Đất thương mại, dịch vụ

Năm 2024, diện tích đất thương mại, dịch vụ là 512,37 ha, chiếm 3,4% tổng diện tích tự nhiên, giảm 0,01 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất thương mại, dịch vụ như sau:

- Biến động tăng 2,49 ha do được chuyển từ:

+ Đất nông nghiệp 1,86 ha, gồm: Đất trồng cây hàng năm khác 0,60 ha; Đất trồng cây lâu năm 0,34 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 0,92 ha;

+ Đất phi nông nghiệp 0,62 ha, gồm: Đất phát triển hạ tầng 0,08 ha; Đất ở tại đô thị 0,54 ha;

- Biến động giảm 2,49 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất phi nông nghiệp 2,49 ha, gồm: Đất ở tại đô thị 0,63 ha; Đất phát triển hạ tầng 1,86 ha;

Đất thương mại, dịch vụ phân bố 17/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường Nguyễn An Ninh (220,29 ha); ít nhất là Phường Rạch Dừa (0,26 ha).

(6). Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Năm 2024, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 800,76 ha, chiếm 5,31% tổng diện tích tự nhiên, giảm 4,20 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp như sau:

- Biến động tăng 0,12 ha do được chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,12 ha;

- Biến động giảm 4,32 ha do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp 4,32 ha, gồm: Đất cụm công nghiệp 0,92 ha; Đất ở tại đô thị 0,45 ha; Đất phát triển hạ tầng 2,96 ha;

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp phân bố 13/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Xã Long Sơn (454,86 ha); ít nhất là Phường 1 (0,99 ha).

(7). Đất phát triển hạ tầng các cấp

Năm 2024, diện tích đất phát triển hạ tầng là 1.441,99 ha, chiếm 9,55% tổng diện tích tự nhiên, tăng 151,74 ha so với hiện trạng năm 2023. Cụ thể:

** Đất giao thông*

Năm 2024, diện tích đất giao thông là 1.037,41 ha, chiếm 6,87% tổng diện tích tự nhiên, tăng 128,45 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất giao thông như sau:

- Biến động tăng 140,18 ha do được chuyển từ:

+ Đất nông nghiệp 94,67 ha, gồm: Đất trồng cây hàng năm khác 37,32 ha; Đất trồng cây lâu năm 27,51 ha; Đất rừng phòng hộ 12,68 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 14,57 ha; Đất làm muối 2,59 ha;

+ Đất phi nông nghiệp 44,19 ha, gồm: Đất quốc phòng 0,69 ha; Đất an ninh 3,93 ha; Đất thương mại, dịch vụ 1,86 ha; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,96 ha; Đất phát triển hạ tầng 1,58 ha; Đất sinh hoạt cộng đồng 0,04 ha; Đất ở tại nông thôn 0,49 ha; Đất ở tại đô thị 23,65 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ

quan 0,52 ha; Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,02 ha; Đất tín ngưỡng 0,01 ha; Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 8,45 ha;

+ Đất chưa sử dụng 1,32 ha.

- Biến động giảm 11,74 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất phi nông nghiệp 11,74 ha, gồm: Đất quốc phòng 1,50 ha; Đất an ninh 0,22 ha; Đất cụm công nghiệp 0,18 ha; Đất thương mại, dịch vụ 0,08 ha; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,88 ha; Đất ở tại nông thôn 0,93 ha; Đất ở tại đô thị 7,61 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,00 ha; Đất phát triển hạ tầng 0,33 ha;

Đất giao thông phân bố 17/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 12 (222,03 ha); ít nhất là Phường 4 (17,46 ha).

** Đất thủy lợi*

Năm 2024, diện tích đất thủy lợi là 115,70 ha, chiếm 0,77% tổng diện tích tự nhiên, tăng 6,04 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất thủy lợi như sau:

- Biến động tăng 9,69 ha do được chuyển từ:

+ Đất nông nghiệp 8,10 ha, gồm: Đất trồng cây hàng năm khác 8,10 ha;

+ Đất phi nông nghiệp 1,59 ha, gồm: Đất phát triển hạ tầng 0,22 ha; Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1,37 ha;

+ Đất chưa sử dụng -2 ha.

- Biến động giảm 3,65 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất phi nông nghiệp 3,65 ha, gồm: Đất cụm công nghiệp 0,14 ha; Đất ở tại đô thị 2,85 ha; Đất phát triển hạ tầng 0,65 ha;

Đất thủy lợi phân bố 12/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 12 (56,47 ha); ít nhất là Phường 9 (0,05 ha).

** Đất xây dựng cơ sở văn hóa*

Năm 2024, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa là 10,37 ha, chiếm 0,07% tổng diện tích tự nhiên, giảm 0,05 ha so với hiện trạng năm 2023.

So với hiện trạng năm 2023, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa giảm 0,04 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng 0,05 ha.

Đất xây dựng cơ sở văn hóa phân bố 14/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường Thắng Tam (4,79 ha); ít nhất là Phường 5 (0,01 ha).

** Đất xây dựng cơ sở y tế*

Năm 2024, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 10,60 ha, chiếm 0,07% tổng diện tích tự nhiên, tăng 0,46 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất xây dựng cơ sở y tế như sau:

- Biến động tăng 0,47 ha do được chuyển từ:

+ Đất nông nghiệp 0,41 ha, gồm: Đất trồng cây hàng năm khác 0,34 ha;
Đất trồng cây lâu năm 0,07 ha;

+ Đất phi nông nghiệp 0,06 ha, gồm: Đất phát triển hạ tầng 0,06 ha;

- Biến động giảm 0,0044 ha do chuyển sang loại đất phát triển hạ tầng;

Đất xây dựng cơ sở y tế phân bố 17/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 11 (5,89 ha); ít nhất là Phường Thắng Nhì (0,02 ha).

** Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*

Năm 2024, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 110,11 ha, chiếm 0,73% tổng diện tích tự nhiên, tăng 11,09 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo như sau:

Biến động đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo như sau:

- Biến động tăng 12,30 ha do được chuyển từ:

+ Đất nông nghiệp 11,24 ha, gồm: Đất trồng cây hàng năm khác 0,90 ha;
Đất trồng cây lâu năm 9,59 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 0,75 ha;

+ Đất phi nông nghiệp 1,06 ha, gồm: Đất phát triển hạ tầng 0,33 ha; Đất sinh hoạt cộng đồng 0,02 ha; Đất ở tại đô thị 0,55 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,17 ha;

- Biến động giảm 1,20 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất phi nông nghiệp 1,20 ha, gồm: Đất phát triển hạ tầng 1,20 ha;

Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo phân bố 17/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 11 (39,06 ha); ít nhất là Phường 2 (0,98 ha).

** Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*

Năm 2024, diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao là 6,66 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên, giảm 0,23 ha so với hiện trạng năm 2023.

So với hiện trạng năm 2023, diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao giảm 0,2332 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng 0,23 ha.

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao phân bố 8/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 1 (2,30 ha); ít nhất là Phường Thắng Nhì (0,05 ha).

** Đất công trình năng lượng*

Năm 2024, diện tích đất công trình năng lượng là 17,74 ha, chiếm 0,12% tổng diện tích tự nhiên, tăng 3,82 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất công trình năng lượng là biến động tăng với diện tích 3,82 ha do được chuyển từ:

- + Đất nông nghiệp 3,78 ha, gồm: Đất trồng cây hàng năm khác 0,14 ha; Đất trồng cây lâu năm 2,99 ha; Đất rừng phòng hộ 0,65 ha;
- + Đất phi nông nghiệp 0,04 ha, gồm: Đất phát triển hạ tầng 0,02 ha; Đất ở tại nông thôn 0,02 ha;

Đất công trình năng lượng phân bố 9/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường Thắng Nhất (10,66 ha); ít nhất là Phường 1 (0,01 ha).

** Đất công trình bưu chính viễn thông*

Năm 2024, diện tích đất công trình bưu chính, viễn thông là 6,36 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên, giảm 0,02 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất công trình bưu chính, viễn thông như sau:

- Biến động tăng 0,01 ha do được chuyển từ đất ở tại đô thị 0,01 ha.
- Biến động giảm 0,03 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng 0,03 ha.

Đất công trình bưu chính, viễn thông phân bố 9/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 11 (3,00 ha); ít nhất là Phường Rạch Dừa (0,01 ha).

** Đất có di tích lịch sử - văn hóa*

Năm 2024, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa là 13,56 ha, chiếm 0,09% tổng diện tích tự nhiên, tăng 0,50 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất có di tích lịch sử - văn hóa như sau:

- Biến động tăng 0,55 ha do được chuyển từ đất phát triển hạ tầng 0,55 ha;
- Biến động giảm 0,05 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng 0,05 ha.

Đất có di tích lịch sử - văn hóa phân bố 6/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 1 (6,63 ha); ít nhất là Phường Thắng Tam (0,47 ha).

** Đất bãi thải, xử lý chất thải*

Năm 2024, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải là 11,06 ha, chiếm 0,07% tổng diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

Đất bãi thải, xử lý chất thải phân bố 5/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 12 (9,17 ha); ít nhất là Phường Thắng Nhất (0,19 ha).

** Đất cơ sở tôn giáo*

Năm 2024, diện tích đất cơ sở tôn giáo là 70,74 ha, chiếm 0,47% tổng diện tích tự nhiên, giảm 0,19 ha so với hiện trạng năm 2023.

So với hiện trạng năm 2023, diện tích đất cơ sở tôn giáo giảm 0,19 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng.

Đất cơ sở tôn giáo phân bố 15/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 5 (34,29 ha); ít nhất là Phường Thắng Nhất (0,11 ha).

** Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*

Năm 2024, diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 18,28 ha, chiếm 0,12% tổng diện tích tự nhiên, tăng 1,88 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là biến động tăng với diện tích 1,88 ha do được chuyển từ:

+ Đất nông nghiệp 1,45 ha, gồm: Đất trồng cây hàng năm khác 0,52 ha; Đất trồng cây lâu năm 0,93 ha;

+ Đất phi nông nghiệp 0,43 ha, gồm: Đất ở tại đô thị 0,43 ha;

Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng phân bố 3/17 phường, xã: Phường 12 (8,31 ha); Xã Long Sơn (8,09 ha); Phường 11 (1,88 ha).

** Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ*

Năm 2024, diện tích đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ là 3,99 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ phân bố 2/17 phường, xã: Phường Thắng Tam (2,05 ha); Phường 11 (1,94 ha).

** Đất chợ*

Năm 2024, diện tích đất chợ là 8,00 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích tự nhiên, giảm 0,02 ha so với hiện trạng năm 2023.

So với hiện trạng năm 2023, diện tích đất chợ giảm 0,02 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng 0,02 ha.

Đất chợ phân bố 11/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Xã Long Sơn (1,74 ha); ít nhất là Phường 8 (0,18 ha).

(8). Đất sinh hoạt cộng đồng

Năm 2024, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng là 2,51 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên, giảm 0,06 ha so với hiện trạng năm 2023.

So với hiện trạng năm 2023, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng giảm 0,06 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng 0,06 ha.

Đất sinh hoạt cộng đồng phân bố 17/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Xã Long Sơn (0,80 ha); ít nhất là Phường 4 (0,02 ha).

(9). Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Năm 2024, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 24,84 ha, chiếm 0,16% tổng diện tích tự nhiên, tăng 5,40 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất khu vui chơi, giải trí công cộng là biến động tăng với diện tích 5,4 ha do được chuyển từ:

+ Đất nông nghiệp 1,56 ha, gồm: Đất trồng cây hàng năm khác 0,20 ha; Đất trồng cây lâu năm 1,23 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 0,13 ha;

+ Đất phi nông nghiệp 3,84 ha, gồm: Đất phát triển hạ tầng 0,88 ha; Đất ở tại đô thị 0,96 ha; Đất có mặt nước chuyên dùng 2,00 ha;

Đất khu vui chơi, giải trí công cộng phân bố 15/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 2 (12,06 ha); ít nhất là Phường 5 (0,01 ha).

(10). Đất ở tại nông thôn

Năm 2024, diện tích đất ở tại nông thôn là 126,23 ha, chiếm 0,84% tổng diện tích tự nhiên, tăng 0,98 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất ở tại nông thôn như sau:

- Biến động tăng 1,49 ha do được chuyển từ:

+ Đất nông nghiệp 0,55 ha, gồm: Đất trồng cây hàng năm khác 0,16 ha; Đất trồng cây lâu năm 0,38 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 0,01 ha; Đất làm muối 0,01 ha;

+ Đất phi nông nghiệp 0,93 ha, gồm: Đất phát triển hạ tầng 0,93 ha;

- Biến động giảm 0,51 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất phi nông nghiệp 0,51 ha, gồm: Đất phát triển hạ tầng 0,51 ha;

Đất ở tại nông thôn phân bố tại Xã Long Sơn (126,02 ha).

(11). Đất ở tại đô thị

Năm 2024, diện tích đất ở tại đô thị là 1.562,48 ha, chiếm 10,35% tổng diện tích tự nhiên, tăng 196,87 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất ở tại đô thị như sau:

- Biến động tăng 228,11 ha do được chuyển từ:

+ Đất nông nghiệp 210,07 ha, gồm: Đất trồng cây hàng năm khác 38,05 ha; Đất trồng cây lâu năm 51,00 ha; Đất rừng phòng hộ 2,65 ha; Đất nuôi trồng thủy sản 99,86 ha; Đất làm muối 18,52 ha;

+ Đất phi nông nghiệp 13,27 ha, gồm: Đất an ninh 0,01 ha; Đất thương mại, dịch vụ 0,63 ha; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,45 ha; Đất phát triển hạ tầng 10,46 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,04 ha; Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,56 ha; Đất có mặt nước chuyên dùng 1,12 ha;

+ Đất chưa sử dụng 4,76 ha.

- Biến động giảm 31,24 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất phi nông nghiệp 31,24 ha, gồm: Đất quốc phòng 0,39 ha; Đất an ninh 1,72 ha; Đất cụm công nghiệp 2,79 ha; Đất thương mại, dịch vụ 0,54 ha; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,96 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,20 ha; Đất phát triển hạ tầng 24,64 ha;

Đất ở tại đô thị phân bố 17/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 12 (291,14 ha); ít nhất là Xã Long Sơn (0,07 ha).

(12). Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Năm 2024, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 25,40 ha, chiếm 0,17% tổng diện tích tự nhiên, tăng 4,69 ha so với hiện trạng năm 2023.

Biến động đất xây dựng trụ sở cơ quan như sau:

- Biến động tăng 5,42 ha do được chuyển từ:

+ Đất nông nghiệp 4,90 ha, gồm: Đất trồng cây lâu năm 4,90 ha;

+ Đất phi nông nghiệp 0,52 ha, gồm: Đất phát triển hạ tầng 0,00 ha; Đất ở tại đô thị 0,20 ha; Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,31 ha;

- Biến động giảm 0,72 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất phi nông nghiệp 0,72 ha, gồm: Đất ở tại đô thị 0,04 ha; Đất phát triển hạ tầng 0,68 ha;

Đất xây dựng trụ sở cơ quan phân bố 17/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 1 (6,96 ha); ít nhất là Phường Thắng Nhì (0,12 ha).

(13). Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Năm 2024, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 14,15 ha, chiếm 0,09% tổng diện tích tự nhiên, giảm 0,33 ha so với hiện trạng năm 2023.

So với hiện trạng năm 2023, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp giảm 0,33 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp 0,33 ha, gồm: Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,31 ha; Đất phát triển hạ tầng 0,02 ha;

Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp phân bố 14/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Phường 11 (3,29 ha); ít nhất là Phường Nguyễn An Ninh (0,01 ha).

(14). Đất tín ngưỡng

Năm 2024, diện tích đất tín ngưỡng là 4,91 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích tự nhiên, giảm 0,01 ha so với hiện trạng năm 2023.

So với hiện trạng năm 2023, diện tích đất tín ngưỡng giảm 0,0054 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng ha.

Đất tín ngưỡng phân bố 11/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Xã Long Sơn (1,45 ha); ít nhất là Phường 3 (0,01 ha).

(15). Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Năm 2024, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 2.782,57 ha, chiếm 18,44% tổng diện tích tự nhiên, giảm 17,54 ha so với hiện trạng năm 2023.

So với hiện trạng năm 2023, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 17,54 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất phi nông nghiệp 17,54 ha, gồm: Đất quốc phòng 2,51 ha; Đất cụm công nghiệp 4,65 ha; Đất ở tại đô thị 0,56 ha; Đất phát triển hạ tầng 9,82 ha;

Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối phân bố 8/17 phường, xã; trong đó, nhiều nhất là Xã Long Sơn (1.174,72 ha); ít nhất là Phường 9 (4,00 ha).

(16). Đất có mặt nước chuyên dùng

Năm 2024, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng là 8,63 ha, chiếm 0,06% tổng diện tích tự nhiên, giảm 3,12 ha so với hiện trạng năm 2023.

So với hiện trạng năm 2023, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng giảm 3,12 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp 3,12 ha, gồm: Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 2,00 ha; Đất ở tại đô thị 1,12 ha;

Đất có mặt nước chuyên dùng phân bố 2/17 phường, xã: Phường Nguyễn An Ninh (8,09 ha); Phường 2 (0,55 ha).

3.2.3. Đất chưa sử dụng

Năm 2024, diện tích đất chưa sử dụng là 454,01 ha, chiếm 3,01% tổng diện tích tự nhiên, giảm 6,97 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích đất chưa sử dụng giảm nguyên nhân do thực hiện các dự án đất phi nông nghiệp (các dự án phát triển hạ tầng, an sinh, xã hội, quốc phòng, an ninh,...) như: HTKT Khu TTCN phục vụ di dời các cơ sở TTCN gây ô nhiễm trên địa bàn TPVT tại Phước Thắng; Đường Hàng Điều (đoạn từ 30/4 đến 51C); Xây mới cầu Cửa Lấp 2 và nâng cấp, mở rộng đoạn từ ngã ba Lò Vôi đến công khu du lịch Thủy Dương huyện Long Điền và huyện Đất Đỏ...

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về xử lý ô nhiễm đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh. Di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong các khu dân cư ra các khu công nghiệp và cụm công nghiệp đã được quy hoạch, đồng thời đình chỉ các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng.
- Trồng cây xanh trong khu vực đô thị, các khu trung tâm dân cư nhằm tạo mỹ quan và bảo vệ môi trường sinh thái. Xây dựng hệ thống thoát nước mưa đảm bảo không ngập úng trong các đô thị, xây dựng hệ thống thoát nước bản với các trạm xử lý nước thải đáp ứng tiêu chuẩn trước khi xả ra sông rạch.
- Phối hợp với các Sở, ngành tiến hành kiểm tra, xử lý tổ chức chế biến thủy hải sản, nhà hàng khách sạn trong việc xả thải ra môi trường, đặc biệt là các cơ sở du lịch, khách sạn ven biển.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- UBND thành phố chỉ đạo UBND các xã, phường tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật đất đai nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất, nhất là các khu vực có thực hiện thu hồi đất, thông qua đó tạo sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.
- Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất các cấp, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật để thực hiện công tác quản

lý Nhà nước về tài nguyên môi trường nói chung và công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nói riêng.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- UBND thành phố yêu cầu các chủ đầu tư phải đẩy nhanh tiến độ thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất sau khi đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đặc biệt là đối với các dự án có vốn đầu tư công trước khi triển khai thi công công trình.

- Đối với các công trình đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024, chủ đầu tư phải báo cáo tiến độ thực hiện, trong đó nêu rõ tiến độ, giải trình nguyên nhân và đăng ký chuyển tiếp sang năm tiếp theo đối với các công trình, dự án chưa hoàn thành thủ tục pháp lý về đất đai trong năm 2023 theo kế hoạch được duyệt. Trường hợp chủ đầu tư không báo cáo, UBND thành phố sẽ chủ động loại bỏ, không đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm tiếp theo và không chịu trách nhiệm về thời gian thực hiện cũng như các thiệt hại đối với chủ đầu tư.

- UBND thành phố giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các phòng, ban và UBND các phường, xã tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; phối hợp với các cơ quan chức năng tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án trong năm kế hoạch. Kiên quyết xử lý các trường hợp sử dụng đất không theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt.

- Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, UBND thành phố tổ chức công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo quy định pháp luật, lồng ghép với các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, giúp các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất biết đầy đủ các thông tin về các công trình, dự án sẽ thực hiện trong năm 2024 để theo dõi, giám sát quá trình thực hiện.

4.4. Các giải pháp khác

4.4.1. Giải pháp về vốn đầu tư

- Đề nghị chủ đầu tư của các công trình khi đăng ký kế hoạch sử dụng đất hàng năm phải bố trí đủ nguồn vốn để triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch.

- Đối với các công trình, dự án có nguồn vốn từ ngân sách do thành phố quản lý, UBND thành phố giao Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các chủ đầu tư (các Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng, UBND các phường, xã) thực hiện thủ tục giải ngân nhằm đáp ứng kịp thời nguồn vốn; đồng

thời, theo dõi, báo cáo UBND thành phố những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải ngân (nếu có) để kịp thời có ý kiến chỉ đạo, giải quyết.

4.4.2. Giải pháp về chính sách

- Đối với các công trình, dự án phải thu hồi đất: Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng trình tự, thủ tục, công khai, minh bạch, bảo đảm cân bằng quyền lợi của người có đất bị thu hồi cũng như quyền lợi của nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, chủ đầu tư cần phối hợp với chính quyền địa phương trực tiếp vận động, lắng nghe tâm tư nguyện vọng của người có đất bị thu hồi, đồng thời giải thích rõ sự cần thiết phải thu hồi đất để xây dựng các công trình dự án phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích cộng đồng.

- Đối với những công trình, dự án đã đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất mà chậm triển khai theo khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai: *“Diện tích đất được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 02 năm liên tục được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện phải xem xét, đánh giá điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố công khai việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất hoặc hủy bỏ việc chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện”*, chủ đầu tư cần kịp thời báo cáo tiến độ, giải trình nguyên nhân của việc kéo dài thời gian thực hiện để UBND thành phố tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định; đồng thời, UBND thành phố cũng sẽ kiến nghị UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, hủy bỏ các công trình, dự án chậm triển khai theo đúng quy định.

4.4.3. Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện

- Tổ chức công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 75 của Luật Đất đai: *“Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện tại trụ sở cơ quan, trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và công bố công khai nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện có liên quan đến xã, phường, thị trấn tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công bố công khai đến người dân, người sử dụng đất tại địa bàn xã”*. Và khoản 4, 5 Luật Đất đai về thời điểm công khai và tài liệu công khai.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật đất đai, trong đó có các nội dung quy định về kế hoạch sử dụng đất nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân về quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Phối hợp với các Sở, Ban, ngành của tỉnh đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng để sớm bàn giao cho chủ đầu tư thực hiện dự án, đặc biệt là các dự án phát triển hạ tầng, các dự án trọng điểm của tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo kế hoạch đã được xét duyệt, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- Lựa chọn nhà thầu thi công; nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thi công, bảo đảm lựa chọn các nhà thầu thi công có kinh nghiệm, uy tín nhằm đảm bảo chất lượng thi công công trình và hoàn thành dự án theo đúng tiến độ.

- Ngoài ra, để có cơ sở triển khai các dự án, UBND Thành phố Vũng Tàu khẩn trương hoàn thành các đồ án quy hoạch, ưu tiên thực hiện các đồ án nơi có dự án đang triển khai.